

Bản án số: **131/2025/HS-PT**
Ngày: 29/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

 bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 302/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo **Trần Thanh Đức H3** và các bị cáo khác, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, “*Đánh bạc*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thanh Đức H3**, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1991 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **số A đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là số A đường H, phường C, tỉnh Quảng Ngãi)**; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Thanh B** và con bà **Đoàn Thị Hiếu H**; có vợ **Đỗ Đặng Quỳnh U** (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2024 cho đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn Thành L**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1991, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **tổ dân phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã**

T, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị Phương D; có vợ Nguyễn Thị Kim T1 và 01 con sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 11/11/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “*Cướp tài sản*” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 11/2008/HS-PT; ngày 17/3/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 01 (một) năm, 03 (ba) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 68/2009/HS-PT; tổng hợp hình phạt, bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án nêu trên là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, đã chấp hành án xong hình phạt tù vào ngày 30/8/2010 và đã xóa án tích;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Vũ Đức T2, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1993, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: nhà số A C, tổ D, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là nhà số A C, phường N, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức T3 và bà Ngô Thị Kim L1; có vợ Cao Thị Mỹ H1 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Thanh Đức H3: bà Truong Nguyễn Lan N, Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: số C đường T, tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là số C đường T, phường C, tỉnh Quảng Ngãi); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2023, bị cáo Trần Thanh Đức H3 sử dụng mạng xã hội facebook nhìn thấy các fanpage đăng tải quảng cáo cá độ bóng đá có hiển thị số điện thoại nên bị cáo H3 liên lạc với một người tên D1. Sau đó, D1 tạo tài khoản đại lý cấp Agent và hướng dẫn cho bị cáo H3 cách cá cược bóng đá trực tuyến. Để quản lý việc đánh bạc, bị cáo H3 sử dụng điện thoại di động truy cập mạng internet vào website: <https://www.agbong88.com> đăng nhập vào tài khoản cấp đại lý (A) để theo dõi, quản lý việc thắng thua của các tài khoản đánh bạc (cấp member).

Trong khoảng thời gian trên, bị cáo **Vũ Đức T2** đặt vấn đề với bị cáo **H3** cùng nhau tổ chức cá độ bóng đá qua mạng internet. Bị cáo **H3** cấp cho bị cáo **T2** 03 tài khoản đánh bạc cấp member để người chơi trực tiếp đánh bạc. Từ tài khoản (**A**) V89E00902 có mật khẩu đăng nhập Llll9999, bị cáo **H3** nhờ lập và giao cho bị cáo **T2** 03 tài khoản đánh bạc cấp member, đồng thời cấp 01 tài khoản cấp SupAgent có số tài khoản V89E00902Sub04 (tài khoản cấp SupAgent không trực tiếp đặt cược được) để bị cáo **T2** quản lý việc đánh bạc đối với 03 tài khoản trên. Theo thỏa thuận giữa bị cáo **H3** với bị cáo **T2** thì hạn mức đánh bạc là 500 điểm/ngày, quy ước mỗi điểm là 100.000 đồng, trong đó; **T2** trực tiếp thắng, thua với con bạc 10.000 đồng/01 điểm; **H3** trực tiếp thắng, thua với con bạc 90.000 đồng/01 điểm. Việc chung chi tiền thắng thua được chi trả bằng tiền mặt hoặc thông qua tài khoản ngân hàng và thanh toán tiền thắng, thua vào thứ hai hàng tuần.

Sau đó, **H3** gặp **Nguyễn Thành L** và nói “có 03 con máy bạn có theo không” (có nghĩa là 03 tài khoản đánh bạc cấp member) thì **L** đồng ý, **H3** thỏa thuận với **L** về cách thức ăn chia số tiền đánh bạc của con bạc, thông qua bị cáo **H3**, **L** trực tiếp thắng, thua với con bạc 30.000 đồng/01 điểm còn lại **H3** trực tiếp thắng, thua với con bạc 60.000 đồng/01 điểm. Việc chung chi tiền thắng thua được chi trả bằng tiền mặt hoặc thông qua tài khoản ngân hàng. Để theo dõi việc đánh bạc, **H3** cung cấp cho **L** tài khoản Agent V89E00902 để theo dõi việc thắng thua của 03 tài khoản member đã giao cho bị cáo **T2**. Tuy nhiên, vì tin tưởng bạn bè nên **L** không xem các tài khoản cùng làm chung, khi **H3** thông báo thắng thua thì bị cáo **L** đưa hoặc nhận tiền thắng thua từ bị cáo **H3**. Các bị cáo thanh toán tiền thắng, thua vào thứ hai hàng tuần.

Quá trình đánh bạc diễn ra như sau:

Bị cáo **Vũ Đức T2** sử dụng điện thoại di động truy cập vào website bbmgr.com đăng nhập vào tài khoản (SubAgent) V89E00902Sub04 có tên tài khoản **S**, mật khẩu Llll8888 để theo dõi, quản lý việc đánh bạc tại các tài khoản member, như sau:

1. Đối với tài khoản V89E0090201E, **T2** cấp cho một người tên **T4** (không rõ họ tên, địa chỉ). Từ ngày 13/7/2023 đến ngày 14/8/2023, tài khoản này tham gia 714 lượt cược, trong đó; có 26 lượt cá cược bị từ chối nên không tính tiền, còn lại 688 lượt cược, với tổng số điểm đánh bạc là 18.827,12 điểm, trong đó: điểm đặt cược là 13.201 điểm; điểm người chơi thắng cược là 5.626,12 điểm và điểm người chơi thua cược là 5.761,46 điểm.

Tổng số tiền đánh bạc là 18.827,12 điểm x 100.000 đồng/điểm = 1.882.712.000 đồng (một tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm mười hai

ngàn đồng). Quá trình đánh bạc tài khoản này thua 135,34 điểm, tương ứng số tiền 13.534.000 đồng, trong đó có 110 trận có số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên, có 11 trận có số tiền đánh bạc từ 20.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền các bị cáo H3, T2 tổ chức đánh bạc tại tài khoản này là 1.882.712.000 đồng, trong đó số tiền bị cáo L phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là $(18.827,12 \text{ điểm} \times 30.000 \text{ đồng/điểm}) = 564.813.600 \text{ đồng}$; số tiền thu lợi bất chính từ tài khoản đánh bạc này là $135,34 \text{ điểm} \times 100.000 \text{ đồng/điểm} = 13.534.000 \text{ đồng}$; bị cáo T2 thu lợi 1.353.400 đồng, bị cáo L thu lợi $(135,34 \text{ điểm} \times 30.000 \text{ đồng/điểm}) = 4.060.200 \text{ đồng}$, bị cáo H3 thu lợi $(13.534.000 \text{ đồng} - 1.353.400 \text{ đồng} - 4.060.200 \text{ đồng}) = 8.120.400 \text{ đồng}$.

2. Đối với tài khoản V89E0090200R, T2 cấp cho một người tên K (không rõ họ tên, địa chỉ). Từ ngày 24/5/2023 đến ngày 11/6/2023, tài khoản này tham gia 128 lượt cá cược, trong đó có 03 lượt bị từ chối, còn lại 125 lượt cược, với tổng số điểm đánh bạc là 3.064,85 điểm, trong đó: điểm đặt cược là 2.247 điểm, điểm người chơi thắng cược là 817,85 điểm; điểm người chơi thua cược là 1.070,37 điểm; tổng tiền đánh bạc là $3.064,85 \text{ điểm} \times 100.00 \text{ đồng/điểm} = 306.485.000 \text{ đồng}$ (ba trăm linh sáu triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Quá trình đánh bạc tài khoản này thua 252,52 điểm, tương ứng số tiền 25.252.000 đồng, trong đó có 18 trận có số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên, 01 trận có số tiền đánh bạc trên 20.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền các bị cáo H3, T2 tổ chức đánh bạc tại tài khoản này là 306.485.000 đồng, số tiền L phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là $(3.064,85 \text{ điểm} \times 30.000 \text{ đồng/điểm}) = 91.945.500 \text{ đồng}$; số tiền thu lợi bất chính từ tài khoản đánh bạc này là $252,52 \text{ điểm} \times 100.000 \text{ đồng/điểm} = 25.252.000 \text{ đồng}$, bị cáo T2 thu lợi 2.525.200 đồng, L thu lợi $(252,52 \text{ điểm} \times 30.000 \text{ đồng/điểm}) = 7.575.600 \text{ đồng}$, H3 thu lợi số tiền $(25.252.000 \text{ đồng} - 2.525.200 \text{ đồng} - 7.575.600 \text{ đồng}) = 15.151.200 \text{ đồng}$.

3. Đối với tài khoản V89E00902000, T2 cấp cho Hứa Dĩ Ân, từ ngày 24/5/2023 đến ngày 07/06/2023, Ân sử dụng điện thoại di động vào trang website <https://www.agbong88.com> đăng nhập tài khoản V89E00902000 có mật khẩu đăng nhập Tttt1111 để tham gia đánh bạc. Ân đặt cược 44 lượt cược, với tổng điểm đánh bạc 2.584,49 điểm, trong đó: điểm đặt cược là 2.000 điểm, điểm thắng cược là 584,49 điểm, điểm thua cược là 820,15 điểm; tổng số tiền đánh bạc $2.584,49 \text{ điểm} \times 100.000 \text{ đồng/điểm} = 258.449.000 \text{ đồng}$ (hai trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Quá trình đánh bạc, Ân thua 235,66 điểm, tương ứng số tiền 23.566.000 đồng, trong đó có 20 trận số

tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên, có 03 trận có số tiền đánh bạc từ 20.000.000 đồng trở lên.

Như vậy, số tiền các bị cáo **H3** và **T2** tổ chức đánh bạc tại tài khoản này là 258.449.000 đồng, số tiền **L** phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là $(2.584,49 \text{ điểm} \times 30.000 \text{ đồng/điểm}) = 77.534.700 \text{ đồng}$; số tiền thu lợi bất chính từ tài khoản đánh bạc này là $235,66 \text{ điểm} \times 100.000 \text{ đồng/điểm} = 23.566.000 \text{ đồng}$, trong đó **T2** thu lợi 2.356.600 đồng, **L** thu lợi $(235,66 \text{ điểm} \times 30.000 \text{ đồng/điểm}) = 7.069.800 \text{ đồng}$, **H3** thu lợi số tiền $(23.566.000 \text{ đồng} - 2.356.600 \text{ đồng} - 7.069.800 \text{ đồng}) = 14.139.600 \text{ đồng}$.

Tổng số điểm đánh bạc của 03 tài khoản là 24.476,46 điểm, tương ứng số tiền 2.447.646.000 đồng, trong đó **H3** và **T2** tham gia tổ chức đánh bạc với tổng số tiền 2.447.646.000 đồng, **L** tham gia tổ chức đánh bạc số tiền 734.293.800 đồng trong tổng số tiền đánh bạc từ 03 tài khoản trên. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 62.352.000 đồng, trong đó **H3** thu lợi số tiền 37.411.200 đồng, **L** thu lợi bất chính số tiền 18.705.600 đồng, **T2** thu lợi bất chính số tiền 6.235.200 đồng.

Ngoài ra, bị cáo **Nguyễn Thành L** còn trực tiếp cá độ bóng đá với **Nguyễn Văn H2** số tiền 18.650.000 đồng, **Trần Hữu V1** số tiền 12.000.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2025/HS-ST ngày 15/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định: tuyên bố các bị cáo **Trần Thanh Đức H3**, **Vũ Đức T2** phạm tội “Tội tổ chức đánh bạc”; bị cáo **Nguyễn Thành L**, phạm tội “Tội tổ chức đánh bạc” và “Tội đánh bạc”.

1. Áp dụng các điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1.1. Về hình phạt chính: xử phạt bị cáo **Trần Thanh Đức H3** 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2024.

1.2. Về hình phạt bổ sung: xử phạt tiền bị cáo **Trần Thanh Đức H3** số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 322; các điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

2.1. Về hình phạt chính: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tội tổ chức đánh bạc” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Tội đánh bạc”.

2.2. Về hình phạt bổ sung: xử phạt tiền bị cáo **Nguyễn Thành L** 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về “Tội tổ chức đánh bạc” và phạt tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) về “Tội đánh bạc” nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo **Nguyễn Thành L** phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội nêu trên, như sau:

Về hình phạt chính: bị cáo **Nguyễn Thành L** phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là: 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo **Nguyễn Thành L** phải chấp hành hình phạt chung là phạt tiền của 02 tội, tổng cộng là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng các điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 322; các điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

3.1. Về hình phạt chính: xử phạt bị cáo **Vũ Đức T2** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3.2. Về hình phạt bổ sung: xử phạt tiền bị cáo **Vũ Đức T2** 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc các bị cáo phải nộp phải nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền dùng vào việc đánh bạc, cụ thể:

4.1 Buộc bị cáo **Trần Thanh Đức H3** phải nộp số tiền 845.757.000 đồng (tám trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

4.2 Buộc bị cáo **Vũ Đức T2** phải nộp số tiền 140.959.500 đồng (một trăm bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

4.3 Buộc bị cáo **Nguyễn Thành L** phải nộp số tiền 439.688.500 đồng (bốn trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 19, 27 và 28/5/2025, các bị cáo [Trần Thanh Đức H3](#), [Nguyễn Thành L](#), [Vũ Đức T2](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và phần biện pháp tư pháp để giảm số tiền sử dụng vào việc đánh bạc mà Toà án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo nộp để sung ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo [Trần Thanh Đức H3](#), [Vũ Đức T2](#); giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo; chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thành L](#), giảm cho bị cáo một phần hình phạt ở tội *Tổ chức đánh bạc*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 19, 27 và 28/5/2025, các bị cáo [Trần Thanh Đức H3](#), [Nguyễn Thành L](#), [Vũ Đức T2](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và phần biện pháp tư pháp để giảm số tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo [Trần Thanh Đức H3](#) vắng mặt và đề nghị hoãn phiên tòa nhưng không đưa ra các căn cứ chứng minh việc vắng mặt là do trở ngại khách quan hoặc do bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bào chữa của bị cáo [H3](#).

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về tội danh:

Từ ngày 24/5/2023 đến ngày 14/8/2023, [Trần Thanh Đức H3](#) cùng với [Vũ Đức T2](#) tổ chức cá độ bóng đá bằng hình thức trực tuyến qua mạng internet, [H3](#) đã chuyển cho [T2](#) 03 tài khoản đánh bạc cấp member, gồm: V89E0090201E, V89E902000, V89E00902R và sử dụng điện thoại di động truy cập internet đăng nhập vào tài khoản cấp đại lý ([A](#)) để theo dõi, quản lý kết quả thắng, thua việc cá độ bóng đá của 03 tài khoản này; hạn mức đánh bạc là 500 điểm/ngày, quy ước mỗi điểm là 100.000 đồng, trong đó [T2](#) trực tiếp thắng, thua với con bạc 10.000 đồng/01 điểm, [H3](#) trực tiếp thắng, thua với con bạc 90.000 đồng/01

điểm, L cùng tham gia với H3 thắng, thua với con bạc 30.000 đồng/điểm. Tổng số điểm cược các bị cáo tổ chức cá độ bóng đá tại 03 tài khoản là 24.476,46 điểm x 100.000 đồng/điểm, tương ứng số tiền đánh bạc là 2.447.646.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 62.352.000 đồng. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thành L, ngoài việc tham gia tổ chức đánh bạc như trên, bị cáo L còn cá độ bóng đá với Nguyễn Văn H2 số tiền 18.650.000 đồng, Trần Hữu V1 số tiền 12.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Trần Thanh Đức H3, Vũ Đức T2 “Tổ chức đánh bạc” theo điểm b, c khoản 2 Điều 322; bị cáo Nguyễn Thành L “Tổ chức đánh bạc” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 322 và “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt, thấy:

Các bị cáo Trần Thanh Đức H3, Vũ Đức T2, Nguyễn Thành L thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc mang tính đồng phạm giản đơn, không phân công nhiệm vụ, vai trò nhưng cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội và thu lợi bất chính độc lập trên cơ sở thỏa thuận phân chia tỷ lệ thắng thua bằng tiền với nhau. Trong đó, Trần Thanh Đức H3 là người giao 03 tài khoản đánh bạc cho bị cáo Vũ Đức T2 để tổ chức đánh bạc và tham gia tổ chức đánh bạc với tổng số điểm đánh bạc là 24.476,46 điểm, tổng số tiền đánh bạc là 2.447.646.000 đồng, cá nhân bị cáo H3 thu lợi bất chính số tiền 37.411.200 đồng; bị cáo Vũ Đức T2 là người nhận 03 tài khoản đánh bạc từ Trần Thanh Đức H3 giao để tổ chức đánh bạc và trực tiếp tổ chức đánh bạc bằng phương thức giao 03 tài khoản đánh bạc nêu trên với tổng số điểm người chơi đánh bạc là 24.476,46 điểm, tổng số tiền đánh bạc là 2.447.646.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 6.235.200 đồng. Bị cáo Nguyễn Thành L tham gia tổ chức đánh bạc cùng với bị cáo Trần Thanh Đức H3 đối với số điểm/số tiền mà bị cáo H3 thắng thua tại 03 tài khoản đánh bạc với tổng số điểm người chơi đánh bạc là 24.476,46 điểm, tham gia đánh bạc 30.000 đồng/điểm, tổng số tiền đánh bạc là 734.293.800 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 18.705.600 đồng. Trong vụ án này, các bị cáo H3, T2 là người khởi xướng việc tổ chức đánh bạc, giữ vai trò chính trong vụ án nên mức độ chịu trách nhiệm hình sự phải nặng hơn so với bị cáo L.

Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên vẫn cố ý thực hiện, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an tại địa phương nên cần phải xử phạt nghiêm minh, tương xứng với vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, cần xử phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và

phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức được hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo **H3** thường xuyên làm thiện nguyện, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn được **UBND xã H, huyện N** và **UBND xã S, huyện S** có “*Thư cảm ơn*” ghi nhận có đóng góp cho địa phương; là lao động chính trong gia đình đang nuôi con nhỏ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Nguyễn Thành L** sau khi phạm tội đã tố giác tội phạm đánh bạc, được **Công an huyện M** xác nhận đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can các đối tượng liên quan đến tội phạm tố giác nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội lập công chuộc tội*”; bị cáo nhiều lần làm thiện nguyện hỗ trợ học sinh nghèo tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở **xã B và xã B**, được Hiệu trưởng các Trường này xác nhận và tham gia hiến máu tình nguyện nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Vũ Đức T2** sau khi phạm tội đã tố giác tội phạm đánh bạc, được **Công an huyện B** xác nhận đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can các đối tượng liên quan đến tội phạm tố giác nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội lập công chuộc tội*”; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, được Giám đốc Công an tỉnh tặng giấy khen, tham gia dân quân tại địa phương, có cha ruột là thương binh hạng 3/4 nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo **L, T2** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình phạt là đúng pháp luật.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Trần Thanh Đức H3** 05 năm tù, xử phạt bổ sung số tiền 50.000.000 đồng về tội *Tổ chức đánh bạc*; xử phạt **Nguyễn Thành L** 02 năm 06 tháng tù về tội *Tổ chức đánh bạc* và 06 tháng tù về tội *Đánh bạc*, phạt bổ sung 30.000.000 đồng (ở hai tội); xử phạt **Vũ Đức T2** 01 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung 40.000.000 đồng về tội *Tổ chức đánh bạc* là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Thành L** đã chủ động nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung 30.000.000 đồng và 13.905.600 đồng tiền thu lợi bất chính; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật hình sự, xuất phát từ hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, có mẹ bị bệnh hiểm nghèo, vì muốn có thêm thu nhập nên phạm tội; quá trình giải quyết vụ án bị cáo tỏ ra ăn năn, hối

cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho bị cáo **Nguyễn Thành L** một phần hình phạt ở tội *Tổ chức đánh bạc* như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà. Việc giảm cho bị cáo **L** một phần hình phạt trong trường hợp cụ thể này vừa thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải vừa để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập cộng đồng trở thành công dân có ích cho xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Số tiền bị cáo **L** nộp tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm sẽ được khấu trừ trong quá trình thi hành bản án.

Đối với các bị cáo **Trần Thanh Đức H3**, **Vũ Đức T2** kháng cáo nhưng không có tình tiết gì mới, hơn nữa hình phạt đối với các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, không nặng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[2.3]. Đối với kháng cáo của các bị cáo về phần biện pháp tư pháp:

Hội đồng xét xử thấy, Bản án sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo nộp lại số tiền sử dụng vào việc phạm tội để nộp sung vào ngân sách Nhà nước, trong đó bị cáo **H3** phải nộp 845.757.000 đồng; bị cáo **L** phải nộp 422.878.500 đồng; bị cáo **T2** phải nộp 140.959.500 đồng là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Do đó, nội dung kháng cáo của các bị cáo đề nghị giảm số tiền phải nộp là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo **Trần Thanh Đức H3**, **Vũ Đức T2** phải chịu theo quy định; kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thành L** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thành L**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm c khoản 2 Điều 322; các điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L 01** (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”; 06 (sáu) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Thành L** phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo **Trần Thanh Đức H3**, **Vũ Đức T2**; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Thanh Đức H3**, **Vũ Đức T2**, **Nguyễn Thành L** về phần biện pháp tư pháp. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với những nội dung kháng cáo này của các bị cáo;

2.1. Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh Đức H3 05** (năm) năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2024.

2.2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 322; các điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Vũ Đức T2 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc các bị cáo phải nộp Ngân sách Nhà nước đối với số tiền dùng vào việc đánh bạc, cụ thể:

- Buộc bị cáo **Trần Thanh Đức H3** phải nộp số tiền 845.757.000 đồng (*tám trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng*);

- Buộc bị cáo **Vũ Đức T2** phải nộp số tiền 140.959.500 đồng (*một trăm bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm đồng*);

- Bị cáo **Nguyễn Thành L** phải nộp số tiền 439.688.500 đồng (*bốn trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo **Trần Thanh Đức H3**, **Vũ Đức T2** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Bị cáo **Nguyễn Thành L** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT; Phòng HSNV; Cơ quan THAHS - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên